

Phụ lục I. DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN

(Kèm theo Thông báo số: 69/TB-ĐHCN ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp HN, V/v Thông báo tuyển sinh thạc sĩ năm 2018)

Kỹ thuật Điện tử		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7510302	CNKT Điện tử - VT
Ngành phù hợp		
1	7520207	KT Điện tử - VT
Ngành gần		
1	7510301	CNKT điện, điện tử
2	7480108	CNKT máy tính
3	7480106	Kỹ thuật máy tính
4	7510303	CNKT ĐK và TĐH
5	7520216	KT ĐK và TĐH
6	7480102	Mạng Máy tính và Truyền thông dữ liệu

Hệ thống thông tin		
Ngành đúng		
1	7480104	Hệ thống thông tin
Ngành phù hợp		
1	7480101	Khoa học máy tính
2	7480102	Mạng MT và TTDL
3	7480103	Kỹ thuật phần mềm
4	7480201	Công nghệ thông tin
5	7480202	An toàn thông tin
Ngành gần		
1	7480106	Kỹ thuật máy tính
2	7480108	CNKT máy tính
3	7340405	HT thông tin quản lý
4	7320205	Quản lý thông tin
5	7140210	Sư phạm Tin học
6	7460107	Khoa học tính toán
7	7460112	Toán ứng dụng
8	7460117	Toán tin
9	75103...	CNKT điện, ĐT, VT
10	75202...	KT điện, ĐT và VT

Kỹ thuật Cơ khí		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí
Ngành phù hợp		
1	7510202	CN chế tạo máy
Ngành gần		
1	7520101	Cơ kỹ thuật
2	7520114	KT cơ điện tử
3	752011..	KT nhiệt/CKĐL/CN
4	7520118	KT HT công nghiệp
5	751020..	CNKT ô tô/ Nhiệt
6	7510211	Bảo dưỡng công nghiệp

Kỹ thuật Cơ khí động lực		
Ngành đúng		
1	7520116	KT cơ khí động lực
Ngành phù hợp		
1	7520130	Kỹ thuật ô tô
2	7520122	Kỹ thuật tàu thủy
Ngành gần		
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí
2	752011..	KT cơ điện tử/ Nhiệt
3	7520118	KT HT công nghiệp

Kỹ thuật Cơ điện tử		
Ngành đúng		
1	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử
Ngành phù hợp		
1	7510203	CNKT Cơ điện tử
Ngành gần		
1	752010..	KTCK/ Cơ KT
2	7510202	CN chế tạo máy
3	7520216	KT ĐK và TĐH
4	7510301	CNKT điện, ĐT

Quản trị kinh doanh		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7340101	Quản trị kinh doanh
Ngành phù hợp		
1	7340115	Marketing
2	7340120	Kinh doanh quốc tế
3	7340121	KD thương mại
4	7340116	Bất động sản
5	7340123	KD thời trang và DM
6	7340122	Thương mại điện tử
Ngành gần		
1	7340401	Khoa học quản lý
2	7340404	Quản trị nhân lực
3	7340201	Tài chính-Ngân hàng
4	7340204	Bảo hiểm
5	7340408	Quan hệ lao động
6	7340409	Quản lý dự án
7	7340406	Quản trị văn phòng
8	7310104	Kinh tế đầu tư
9	734030..	Kế toán/Kiểm toán

Kỹ thuật Điện		
Ngành đúng		
1	7510301	CNKT điện, điện tử
2	7520201	Kỹ thuật điện
Ngành phù hợp		
1	7510303	CNKT ĐK và TĐH
2	7520216	KT ĐK và TĐH
Ngành gần		
1	7520207	KT điện tử-VT
2	7510301	CNKT điện tử -VT
3	7520212	Kỹ thuật Y sinh
4	7520114	KT cơ điện tử
5	7510203	CNKT Cơ điện tử

Kế toán		
Stt	Mã số	Tên chuyên ngành
Ngành đúng		
1	7340301	Kế toán
Ngành phù hợp		
1	7340302	Kiểm toán
Ngành gần		
1	7340101	Quản trị kinh doanh
2	734011..	Marketing/ BDS
3	7340120	Kinh doanh quốc tế
4	7340121	KD thương mại
5	7340122	Thương mại điện tử
6	7340123	KD thời trang và DM
7	734020..	TC- NH/ Bảo hiểm
8	7340401	Khoa học quản lý
9	734040..	QL Công/ VP/ DA
10	7340404	Quản trị nhân lực
11	7340405	Hệ thống TT quản lý
12	7340408	Quan hệ lao động

Kỹ thuật Hóa học		
Ngành đúng		
1	7520301	Kỹ thuật hóa học
Ngành phù hợp		
1	7510401	CN kỹ thuật hóa học
Ngành gần		
1	7440112	Hóa học
2	7140212	Sư phạm hóa học
3	7720203	Hóa dược
4	7510406	CNKT môi trường
5	7520320	Kỹ thuật môi trường
6	7520309	Kỹ thuật vật liệu
7	7520310	KT vật liệu kim loại
8	7540101	Công nghệ thực phẩm
9	7420201	Công nghệ sinh học